

THỜI KHÓA BIỂU KHÓA TUYỂN SINH 2018
HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2019-2020
(DỰ KIẾN)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 123456789012345...(trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự một đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Tuần 1 của học kỳ 2, năm học 2019-2020 bắt đầu từ ngày **06/01/2020** (tức **tuần 23 của năm học**).

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Tên CB	Lớp HP	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần	Ghi chú
											123456789012345678901234	
1	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18-0101	2	Dương Anh Hoàng	18ST+	4	Sáng	1	2	12—56789012345678—	18ST, 18CNTT1
2	31131213	Độ đo và tích phân	18-0101	3	Lương Quốc Tuyển	18ST	2	Chiều	6	3	12—56789012345678—	
3	31131440	Lý luận dạy học toán	18-0101	3	Ngô Thị Bích Thủy	18ST	3	Sáng	1	3	12—56789012345678—	
4	31131539	Phân tích và phát triển chương trình	18-0101	3	Ngô Thị Bích Thủy	18ST	3	Chiều	6	3	12—56789012345678—	
5	31141613	Phương trình vi phân	18-0101	4	Lê Hải Trung	18ST	5	Sáng	1	4	12—56789012345678—	
6	32031255	Giáo dục học	18-0106	3	Bùi Văn Vân	18ST	6	Sáng	1	4	12—56789012345678—	
7	31131294	Hình học sơ cấp	18-0101	3	Nguyễn Thị Sinh	18ST	2	Sáng	1	3	12—56789012345678—	
8	33121252	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	18-0105	2	Hoàng Thế Hải	18ST	4	Sáng	4	2	12—56789012345678—	
9	31211585	Phương pháp luận NCKH chuyên ngành	18-0101	1	Phạm Anh Phương	18CNTT1	7	Sáng	4	2	12—5678901—	
10	31231074	Cơ sở dữ liệu	18-0101	3	Phạm Dương Thu Hằng	18CNTT1	3	Chiều	6	3	12—56789012345678—	
11	31231396	Lập trình Java nâng cao	18-0101	3	Lê Thành Công	18CNTT1	6	Sáng	1	3	12—56789012345678—	
12	31231455	Mã nguồn mở	18-0101	3	Đoàn Duy Bình	18CNTT1	2	Chiều	8	3	12—56789012345678—	
13	31231456	Mạng máy tính	18-0101	3	Lê Văn Mỹ	18CNTT1	4	Chiều	6	3	12—56789012345678—	
14	31231918	Truyền và bảo mật thông tin	18-0101	3	Vũ Thị Trà	18CNTT1	5	Sáng	1	3	12—56789012345678—	
15	31221862	Tiếng Anh chuyên ngành (Công nghệ thông tin)	18-0101	2	Nguyễn Hoàng Hải	18CNTT1	3	Sáng	4	2	12—56789012345678—	
16	31231282	Hệ phân tán	18-0103	3	Nguyễn Tấn Khôi	18CNTT1+	7	Chiều	6	3	12—56789012345678—	18CNTT1, 18CNTT2
17	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18-0102	2	Dương Anh Hoàng	18CNTT2+	4	Sáng	3	2	12—56789012345678—	18CNTT2, 18CNTT4
18	31211585	Phương pháp luận NCKH chuyên ngành	18-0102	1	Phạm Anh Phương	18CNTT2	5	Sáng	4	2	12—5678901—	
19	31231074	Cơ sở dữ liệu	18-0102	3	Huỳnh Ngọc Thọ	18CNTT2	7	Sáng	1	3	12—56789012345678—	
20	31231396	Lập trình Java nâng cao	18-0102	3	Lê Thành Công	18CNTT2	6	Chiều	6	3	12—56789012345678—	
21	31231455	Mã nguồn mở	18-0102	3	Đoàn Duy Bình	18CNTT2	3	Chiều	6	3	12—56789012345678—	
22	31231456	Mạng máy tính	18-0102	3	Lê Văn Mỹ	18CNTT2	3	Sáng	1	3	12—56789012345678—	
23	31231918	Truyền và bảo mật thông tin	18-0102	3	Vũ Thị Trà	18CNTT2	5	Chiều	6	3	12—56789012345678—	
24	31221862	Tiếng Anh chuyên ngành (Công nghệ thông tin)	18-0102	2	Nguyễn Hoàng Hải	18CNTT2	3	Chiều	9	2	12—56789012345678—	
25	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18-0103	2	Nguyễn Duy Quý	18CNTT3+	2	Chiều	6	2	12—56789012345678—	18CNTT3, 18CNTT4
26	31211585	Phương pháp luận NCKH chuyên ngành	18-0103	1	Phạm Anh Phương	18CNTT3	4	Sáng	4	2	12—5678901—	
27	31231396	Lập trình Java nâng cao	18-0103	3	Lê Văn Khanh	18CNTT3	7	Sáng	1	3	12—56789012345678—	

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Tên CB	Lớp HP	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần	Ghi chú
											123456789012345678901234	
28	31231455	Mã nguồn mở	18-0103	3	Đoàn Duy Bình	18CNTT3	3	Sáng	1	3	12—56789012345678—	
29	31231456	Mạng máy tính	18-0103	3	Lê Văn Mỹ	18CNTT3	3	Chiều	6	3	12—56789012345678—	
30	31231918	Truyền và bảo mật thông tin	18-0103	3	Vũ Thị Trà	18CNTT3	6	Sáng	1	3	12—56789012345678—	
31	31211585	Phương pháp luận NCKH chuyên ngành	18-0104	1	Nguyễn Đình Lầu	18CNTT4	4	Chiều	9	2	12—5678901—	
32	31231074	Cơ sở dữ liệu	18-0104	3	Huỳnh Ngọc Thọ	18CNTT4	7	Chiều	6	3	12—56789012345678—	
33	31231396	Lập trình Java nâng cao	18-0104	3	Lê Thành Công	18CNTT4	4	Chiều	6	3	12—56789012345678—	
34	31231455	Mã nguồn mở	18-0104	3	Đoàn Duy Bình	18CNTT4	2	Sáng	1	3	12—56789012345678—	
35	31231456	Mạng máy tính	18-0104	3	Lê Văn Mỹ	18CNTT4	7	Sáng	1	3	12—56789012345678—	
36	31231918	Truyền và bảo mật thông tin	18-0104	3	Nguyễn Thị Lệ Quyên	18CNTT4	6	Sáng	1	3	12—56789012345678—	
37	31231282	Hệ phân tán	18-0104	3	Nguyễn Hoàng Hải	18CNTT4+	3	Sáng	1	3	12—56789012345678—	18CNTT4, 18CNTTD
38	31228023	Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin 1	18-0101	2	Nguyễn Thị Lệ Quyên	18CNTTC	6	Sáng	4	2	12—56789012345678—	
39	31238031	Mạng máy tính	18-0101	3	Phan Văn Trung	18CNTTC	7	Sáng	1	3	12—56789012345678—	
40	31238035	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu	18-0101	3	Nguyễn Trần Quốc Vinh	18CNTTC	5	Chiều	6	3	12—56789012345678—	
41	31238036	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	18-0101	3	Nguyễn Trần Quốc Vinh	18CNTTC	2	Chiều	6	3	12—56789012345678—	
42	31248038	Lập trình Web	18-0101	4	Nguyễn Thanh Tuấn	18CNTTC	3	Sáng	1	4	12—56789012345678—	
43	31238057	Cơ sở dữ liệu nâng cao	18-0101	3	Khoa Tin học	18CNTTC				3		
44	31211585	Phương pháp luận NCKH chuyên ngành	18-0105	1	Nguyễn Đình Lầu	18CNTTD	7	Sáng	4	2	12—5678901—	
45	31231074	Cơ sở dữ liệu	18-0105	3	Nguyễn Trần Quốc Vinh	18CNTTD	7	Sáng	1	3	12—56789012345678—	
46	31231396	Lập trình Java nâng cao	18-0105	3	Trần Thanh Yên Tùng	18CNTTD	7	Chiều	6	3	12—56789012345678—	
47	31231455	Mã nguồn mở	18-0105	3	Lê Thành Công	18CNTTD	2	Sáng	1	3	12—56789012345678—	
48	31231456	Mạng máy tính	18-0105	3	Phan Phú Cường	18CNTTD	5	Chiều	6	3	12—56789012345678—	
49	31231918	Truyền và bảo mật thông tin	18-0105	3	Vũ Thị Trà	18CNTTD	4	Sáng	1	3	12—56789012345678—	
50	31221862	Tiếng Anh chuyên ngành (Công nghệ thông tin)	18-0105	2	Nguyễn Thị Lệ Quyên	18CNTTD	5	Chiều	9	2	12—56789012345678—	
51	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18-0104	2	Nguyễn Duy Quý	18SVL+	2	Chiều	8	2	12—56789012345678—	18SVL, 18SS, 18CVHH
52	31331070	Cơ học lượng tử	18-0101	3	Lê Văn Thanh Sơn	18SVL	3	Chiều	6	3	12—56789012345678—	
53	31331071	Cơ học lý thuyết	18-0101	3	Hoàng Đình Triển	18SVL	4	Sáng	1	3	12—56789012345678—	
54	31331441	Lý luận dạy học Vật lý	18-0101	3	Trần Thị Hương Xuân	18SVL	4	Chiều	6	3	12—56789012345678—	
55	31331660	Quang học	18-0101	3	Trần Thị Hồng	18SVL	3	Sáng	1	3	12—56789012345678—	
56	31621549	Pháp luật đại cương	18-0102	2	Nguyễn Văn Đông	18SVL	3	Chiều	9	2	12—56789012345678—	
57	32021273	Giao tiếp sư phạm	18-0103	2	Hoàng Thế Hải	18SVL	5	Sáng	4	2	12—56789012345678—	
58	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18-0105	2	Lê Thị Ngọc Hoa	18SHH+	3	Sáng	1	2	12—56789012345678—	18SHH, 18CHD
59	31421035	Các hợp chất tạp chức và cao phân tử	18-0101	2	Trần Đức Mạnh	18SHH	2	Chiều	9	2	12—56789012345678—	
60	31421196	Điện hóa học	18-0101	2	Lê Tự Hải	18SHH	3	Sáng	4	2	12—56789012345678—	
61	31421798	Thực hành hóa hữu cơ	18-0101	2	Nguyễn Văn Din	18SHH	4	Sáng	1	5	—56789012345678—	
62	31421798	Thực hành hóa hữu cơ	18-0102	2	Nguyễn Văn Din	18SHH	6	Sáng	1	5	—56789012345678—	
63	31421869	Tiếng Anh chuyên ngành Hóa	18-0101	2	Võ Thắng Nguyên	18SHH	2	Sáng	4	2	12—56789012345678—	
64	31441511	Nhiệt và động hóa học	18-0103	4	Vũ Thị Duyên	18SHH	6	Sáng	1	4	12—56789012345678—	

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Tên CB	Lớp HP	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần	Ghi chú
											123456789012345678901234	
65	32021273	Giao tiếp sư phạm	18-0104	2	Hoàng Thế Hải	18SHH	5	Chiều	6	2	12—56789012345678—	
66	31421322	Hợp chất màu hữu cơ	18-0101	2	Bùi Ngọc Phương Châu	18SHH	3	Chiều	9	2	12—56789012345678—	
67	31421910	Tổng hợp các chất vô cơ	18-0101	2	Ngô Thị Mỹ Bình	18SHH	4	Chiều	9	2	12—56789012345678—	
68	31421035	Các hợp chất tạp chức và cao phân tử	18-0102	2	Phan Thảo Thơ	18CHD	3	Chiều	9	2	12—56789012345678—	
69	31421798	Thực hành hóa hữu cơ	18-0103	2	Trần Thị Diệu My	18CHD	4	Chiều	6	5	—56789012345678—	
70	31421798	Thực hành hóa hữu cơ	18-0104	2	Trần Thị Diệu My	18CHD	6	Chiều	6	5	—56789012345678—	
71	31421801	Thực hành hóa phân tích	18-0101	2	Lê Thị Tuyết Anh	18CHD	4	Chiều	6	5	—56789012345678—	
72	31421801	Thực hành hóa phân tích	18-0102	2	Lê Thị Tuyết Anh	18CHD	6	Chiều	6	5	—56789012345678—	
73	31421869	Tiếng Anh chuyên ngành Hóa	18-0102	2	Nguyễn Trần Nguyên	18CHD	4	Sáng	4	2	12—56789012345678—	
74	31421911	Tổng hợp hữu cơ	18-0101	2	Nguyễn Trần Nguyên	18CHD	6	Sáng	4	2	12—56789012345678—	
75	31441315	Hóa phân tích	18-0101	4	Võ Thắng Nguyên	18CHD	7	Sáng	1	4	12—56789012345678—	
76	31441511	Nhiệt và động hóa học	18-0104	4	Trần Mạnh Lực	18CHD	5	Chiều	6	4	12—56789012345678—	
77	31421999	Xử lý số liệu thực nghiệm	18-0101	2	Bùi Xuân Vững	18CHD	6	Sáng	1	2	12—56789012345678—	
78	31422136	Kỹ thuật chiết tách các hợp chất có hoạt tính sinh học	18-0101	2	Võ Kim Thành	18CHD	5	Sáng	4	2	12—56789012345678—	
79	31428171	Tiếng Anh chuyên ngành Hóa	18-0101	2	Nguyễn Trần Nguyên	18CHDC	4	Sáng	1	2	12—56789012345678—	
80	31428177	Các hợp chất tạp chức và cao phân tử	18-0101	2	Phan Thảo Thơ	18CHDC	6	Sáng	1	2	12—56789012345678—	
81	31428178	Thực hành hóa hữu cơ	18-0101	2	Nguyễn Phú Nghi	18CHDC	3	Sáng	1	5	—56789012345678—	
82	31428180	Thực hành hóa phân tích	18-0101	2	Lê Thị Tuyết Anh	18CHDC	5	Chiều	6	5	—56789012345678—	
83	31428190	Tổng hợp hữu cơ	18-0101	2	Nguyễn Trần Nguyên	18CHDC	4	Chiều	7	2	12—56789012345678—	
84	31448179	Hóa phân tích	18-0101	4	Bùi Xuân Vững	18CHDC	6	Chiều	6	4	12—56789012345678—	
85	31448183	Nhiệt và động hóa học	18-0101	4	Lê Tự Hải	18CHDC	5	Sáng	1	4	12—56789012345678—	
86	31428206	Xử lý số liệu thực nghiệm	18-0101	2	Bùi Xuân Vững	18CHDC	6	Sáng	3	2	12—56789012345678—	
87	31428217	Kỹ thuật chiết tách các hợp chất có hoạt tính sinh học	18-0101	2	Đỗ Thị Thúy Vân	18CHDC	4	Chiều	9	2	12—56789012345678—	
88	31511795	Thực hành di truyền học	18-0101	1	Lê Thị Mai	18SS				2		
89	31511817	Thực hành sinh lý học động vật	18-0101	1	Nguyễn Công Thủy Trâm	18SS				2		
90	31511818	Thực hành sinh lý học thực vật	18-0101	1	Vũ Đức Hoàng	18SS				2		
91	31521686	Sinh lý học thực vật	18-0101	2	Nguyễn Tấn Lê	18SS	5	Chiều	8	2	12—56789012345678—	
92	31531166	Di truyền học	18-0101	3	Trương Thị Thanh Mai	18SS	5	Sáng	1	3	12—56789012345678—	
93	31531439	Lý luận dạy học Sinh học	18-0101	3	Nguyễn Thị Hải Yến	18SS	4	Chiều	6	3	12—56789012345678—	
94	31531684	Sinh lý học động vật	18-0101	3	Nguyễn Công Thủy Trâm	18SS	6	Sáng	1	3	12—56789012345678—	
95	31521381	Kỹ thuật nông nghiệp	18-0101	2	Nguyễn Minh Lý	18SS	2	Sáng	3	2	12—56789012345678—	
96	31521925	Ứng dụng tin học trong dạy học sinh học	18-0101	2	Ngô Thị Hoàng Vân	18SS	2	Chiều	6	2	12—56789012345678—	
97	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18-0213	2	Lê Thị Ngọc Hoa	18CTM+	5	Sáng	1	2	12—5678901234—789—	18CTM, 18CNSH
98	31521536	Phân tích môi trường	18-0201	2	Kiểu Thị Kính	18CTM	5	Sáng	4	2	12—5678901234—789—	
99	31521809	Thực hành phân tích môi trường	18-0201	2	Trần Ngọc Sơn	18CTM				2		
100	31521841	Thực tập nhận thức	18-0201	2	Nguyễn Thị Tường Vi	18CTM				2		

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Tên CB	Lớp HP	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần	Ghi chú
											123456789012345678901234	
101	31521870	Tiếng Anh chuyên ngành môi trường	18-0201	2	Kiều Thị Kính	18CTM	3	Sáng	4	2	12—5678901234—789—	
102	31521934	Ứng dụng tin học trong nghiên cứu tài nguyên và môi trường	18-0201	2	Trịnh Đăng Mậu	18CTM	2	Sáng	2	2	12—5678901234—789—	
103	31531129	Đa dạng sinh học	18-0201	3	Nguyễn Thị Tường Vi	18CTM	4	Sáng	1	3	12—5678901234—789—	
104	31531647	Quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường	18-0201	3	Hoàng Văn Thế	18CTM	7	Sáng	1	3	12—5678901234—789—	
105	31521635	Quản lý động vật hoang dã	18-0201	2	Nguyễn Thị Tường Vi	18CTM	6	Sáng	4	2	12—5678901234—789—	
106	31521644	Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp	18-0201	2	Phùng Khánh Chuyên	18CTM	2	Sáng	4	2	12—5678901234—789—	
107	31521109	Công nghệ sinh học vi sinh vật	18-0201	2	Đoàn Thị Vân	18CNSH	3	Chiều	9	2	12—5678901234—789—	
108	31521464	Miền dịch học	18-0201	2	Lê Vũ Khánh Trang	18CNSH	7	Sáng	1	2	12—5678901234—789—	
109	31521680	Sinh học phân tử	18-0201	2	Nguyễn Minh Lý	18CNSH	2	Sáng	1	2	12—5678901234—789—	
110	31521787	Thực hành công nghệ sinh học vi sinh vật	18-0201	2	Đoàn Thị Vân	18CNSH				2		
111	31521814	Thực hành sinh học động vật	18-0201	2	Nguyễn Công Thủy Trâm	18CNSH				2		
112	31521840	Thực tập nghiên cứu thiên nhiên	18-0201	2	Trần Quang Dân	18CNSH				2		
113	31521871	Tiếng Anh chuyên ngành sinh học	18-0201	2	Lê Vũ Khánh Trang	18CNSH	2	Chiều	9	2	12—5678901234—789—	
114	31531679	Sinh học động vật	18-0201	3	Nguyễn Công Thủy Trâm	18CNSH	7	Sáng	3	3	12—5678901234—789—	
115	31521343	Kỹ thuật trong SX nông nghiệp công nghệ cao	18-0201	2	Nguyễn Minh Lý	18CNSH	6	Chiều	9	2	12—5678901234—789—	
116	31521933	Ứng dụng tin học trong CN sinh học	18-0201	2	Trịnh Đăng Mậu	18CNSH	2	Sáng	4	2	12—5678901234—789—	
117	31622005	Kinh tế chính trị Mác - Lênin 2	18-0101	2	Nguyễn Thị Hương	18SGC	4	Sáng	4	2	12—56789012345678—	
118	31622015	Giáo dục gia đình	18-0101	2	Nguyễn Thị Hương	18SGC	3	Chiều	9	2	12—56789012345678—	
119	31622019	Lịch sử các học thuyết chính trị	18-0101	2	Nguyễn Duy Quý	18SGC	4	Sáng	2	2	12—56789012345678—	
120	31622030	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (GDCT)	18-0101	2	Vương Thị Bích Thuý	18SGC	6	Chiều	9	2	12—56789012345678—	
121	31622032	Phân tích và phát triển chương trình môn giáo dục công dân ở trường trung học	18-0101	2	Hồ Thanh Hải	18SGC	5	Sáng	4	2	12—56789012345678—	
122	31632006	Chủ nghĩa xã hội khoa học	18-0101	3	Vương Thị Bích Thuý	18SGC	3	Sáng	1	3	12—56789012345678—	
123	31632167	Triết học trong xu thế vận động của thời đại	18-0101	3	Đinh Thị Phượng	18SGC	7	Sáng	1	3	12—56789012345678—	
124	32021820	Thực hành tâm lý giáo dục	18-0101	2	Bùi Văn Vân	18SGC	2	Chiều	6	4	12—56789012345678—	
125	31622040	Công tác đoàn đội ở trường phổ thông	18-0101	2	Huỳnh Bọng	18SGC	5	Sáng	1	2	12—56789012345678—	
126	31622045	Tôn giáo học và vấn đề tôn giáo ở Việt Nam	18-0101	2	Vương Thị Bích Thuý	18SGC	7	Sáng	4	2	12—56789012345678—	
127	32022043	Giáo dục giá trị và kỹ năng sống	18-0101	2	Hồ Thanh Hải	18SGC	6	Chiều	6	2	12—56789012345678—	
128	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18-0214	2	Trần Ngọc Ánh	18SAN+	3	Chiều	6	2	12—5678901234—789—	18SAN, 18CTXH
129	31622054	Ký xướng âm 4	18-0201	2	Nguyễn Thị Lệ Quyên	18SAN	4	Chiều	6	4	12—5678901234—789—	
130	31622055	Hòa âm ứng dụng 1	18-0201	2	Hoàng Đình Phương	18SAN	7	Sáng	1	2	12—5678901234—789—	
131	31622067	Thanh nhạc 4	18-0201	2	Nguyễn Hoàng Tịnh Uyên	18SAN	5	Chiều	6	4	12—5678901234—789—	
132	31622074	Phương pháp dạy học âm nhạc 1	18-0201	2	Nguyễn Hoàng Tịnh Uyên	18SAN	3	Chiều	8	3	12—5678901234—789—	
133	31622077	Phân tích và phát triển chương trình môn âm nhạc ở phổ thông	18-0201	2	Trương Quang Minh Đức	18SAN	4	Sáng	3	2	12—5678901234—789—	
134	32021273	Giao tiếp sư phạm	18-0201	2	Nguyễn Thị Phương Trang	18SAN+	2	Sáng	1	2	12—5678901234—789—	18SAN, 18SLS

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Tên CB	Lớp HP	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần	Ghi chú
											123456789012345678901234	
135	32021593	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục	18-0201	2	Lê Thị Hằng	18SAN+	7	Sáng	4	2	12—5678901234—789—	18SAN, 18SLS
136	31622078	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học âm nhạc	18-0201	2	Phan Thị Quỳnh Lam	18SAN	5	Sáng	1	2	12—5678901234—789—	
137	31721873	Tiếng Việt thực hành	18-0201	2	Hồ Trần Ngọc Oanh	18SAN+	3	Sáng	3	2	12—5678901234—789—	18SAN, 18CVNHI
138	31821421	Lịch sử văn minh thế giới	18-0201	2	Đặng Thị Thùy Dương	18SAN+	4	Sáng	1	2	12—5678901234—789—	18SAN, 18CTL1
139	32022043	Giáo dục giá trị và kỹ năng sống	18-0202	2	Hồ Thanh Hải	18SAN	6	Sáng	4	2	12—5678901234—789—	
140	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18-0106	2	Lê Thị Ngọc Hoa	18SNV+	3	Sáng	3	2	12—56789012345678—	18SNV, 18CVH
141	31721087	Cơ sở ngôn ngữ văn tự Hán Nôm	18-0101	2	Nguyễn Hoàng Thân	18SNV	6	Sáng	3	2	12—56789012345678—	
142	31721143	Dẫn luận văn học Việt Nam hiện đại từ 1900 đến nay	18-0101	2	Bùi Bích Hạnh	18SNV	4	Sáng	4	2	12—56789012345678—	
143	31721403	Lí luận dạy học Ngữ Văn	18-0101	2	Nguyễn Đăng Châu	18SNV	4	Chiều	6	2	12—56789012345678—	
144	31721936	Văn bản Hán văn Trung Quốc	18-0101	2	Hoàng Hoài Thương	18SNV	2	Sáng	1	2	12—56789012345678—	
145	31731497	Ngữ pháp tiếng Việt	18-0101	3	Hồ Trần Ngọc Oanh	18SNV	4	Chiều	8	3	12—56789012345678—	
146	31741956	Văn học châu Á	18-0101	4	Trần Ái Vân	18SNV	2	Chiều	6	4	12—56789012345678—	
147	32021593	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục	18-0102	2	Hồ Trần Ngọc Oanh	18SNV	3	Sáng	1	2	12—56789012345678—	
148	31721194	Diễn cổ trong văn học trung đại Việt Nam	18-0101	2	Nguyễn Quang Huy	18SNV	5	Sáng	1	2	12—56789012345678—	
149	31721610	Phương tiện dạy học Ngữ Văn	18-0101	2	Hồ Trần Ngọc Oanh	18SNV	6	Sáng	1	2	12—56789012345678—	
150	31721878	Tiếp nhận văn học	18-0101	2	Nguyễn Thanh Trường	18SNV	5	Chiều	9	2	12—56789012345678—	
151	32021738	Tham vấn tâm lý	18-0103	2	Nguyễn Thị Bích Hạnh	18SNV	3	Chiều	9	2	12—56789012345678—	
152	31721588	Phương pháp luận NCKH chuyên ngành (văn học)	18-0101	2	Ngô Minh Hiền	18CVH	5	Chiều	9	2	12—56789012345678—	
153	31721857	Tiến trình văn học	18-0101	2	Phạm Thị Thu Hương	18CVH	3	Sáng	1	2	12—56789012345678—	
154	31721936	Văn bản Hán văn Trung Quốc	18-0102	2	Hoàng Hoài Thương	18CVH	2	Sáng	3	2	12—56789012345678—	
155	31721961	Văn học Hy Lạp cổ đại	18-0101	2	Vũ Thường Linh	18CVH	3	Chiều	8	2	12—56789012345678—	
156	31731497	Ngữ pháp tiếng Việt	18-0102	3	Trần Văn Sáng	18CVH	4	Sáng	1	3	12—56789012345678—	
157	31741340	Khuynh hướng văn học và loại hình tác giả văn học trung đại Việt Nam	18-0101	4	Nguyễn Phong Nam	18CVH				4		
158	31741966	Văn học Tây Âu từ Phục hưng đến nay	18-0101	4	Vũ Thường Linh	18CVH	5	Sáng	1	4	12—56789012345678—	
159	31721490	Ngôn ngữ học xã hội	18-0101	2	Hồ Trần Ngọc Oanh	18CVH	3	Chiều	6	2	12—56789012345678—	
160	31721586	Phương pháp luận NCKH chuyên ngành (ngôn ngữ)	18-0101	2	Trần Văn Sáng	18CVH	4	Chiều	9	2	12—56789012345678—	
161	31721746	Thi pháp thơ Đường	18-0101	2	Trần Ái Vân	18CVH	7	Sáng	4	2	12—56789012345678—	
162	31721747	Thi pháp tiểu thuyết Minh - Thanh	18-0101	2	Trần Ái Vân	18CVH	2	Sáng	1	2	12—56789012345678—	
163	31621405	Lịch sử âm nhạc Việt Nam	18-0101	2	Nguyễn Thị Lệ Quyên	18CVHH	2	Chiều	6	2	12—56789012345678—	
164	31721587	Phương pháp luận NCKH chuyên ngành (văn hóa học)	18-0101	2	Nguyễn Hoàng Thân	18CVHH	6	Sáng	1	2	12—56789012345678—	
165	31721949	Văn hóa miền Trung - Tây Nguyên	18-0101	2	Hoàng Thị Mai Sa	18CVHH	6	Sáng	3	2	12—56789012345678—	
166	31821409	Lịch sử kiến trúc Việt Nam	18-0101	2	Võ Thị Vỹ Phương	18CVHH	3	Sáng	3	2	12—56789012345678—	
167	31821410	Lịch sử mỹ thuật Việt Nam	18-0101	2	Đàm Văn Thọ	18CVHH	4	Sáng	4	2	12—56789012345678—	
168	31831939	Văn hoá âm thực Việt Nam	18-0101	3	Hoàng Thị Mai Sa	18CVHH	4	Chiều	6	3	12—56789012345678—	
169	31831943	Văn hoá Chăm-pa	18-0101	3	Hoàng Thị Mai Sa	18CVHH	5	Chiều	8	3	12—56789012345678—	
170	31721034	Các di sản văn hóa nổi tiếng thế giới	18-0101	2	Nguyễn Ngọc Chinh	18CVHH	4	Chiều	9	2	12—56789012345678—	

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Tên CB	Lớp HP	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần	Ghi chú
											123456789012345678901234	
171	31721491	<i>Ngôn ngữ và văn hóa</i>	18-0102	2	Lê Đức Luận	18CVHH	2	Sáng	3	2	12—56789012345678—	
172	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18-0107	2	Lê Thị Ngọc Hoa	18CBC1+	4	Chiều	6	2	12—56789012345678—	18CBC1, 18CBC2
173	31722093	Nhập môn phát thanh	18-0101	2	Lê Văn Trúc Ly	18CBC1	2	Sáng	4	2	12—56789012345678—	
174	31722094	Nhập môn truyền hình	18-0101	2	Trần Thị Tuyết	18CBC1	3	Sáng	4	2	12—56789012345678—	
175	31722095	Nhập môn báo mạng điện tử	18-0101	2	Đặng Hồng Cam Vũ	18CBC1	3	Sáng	1	2	12—56789012345678—	
176	31722097	Quan hệ công chúng và báo chí	18-0101	2	Trần Thị Hòa	18CBC1	3	Chiều	9	2	12—56789012345678—	
177	31722107	Phòng vấn	18-0101	2	Phạm Thị Hương	18CBC1	4	Sáng	1	2	12—56789012345678—	
178	31722111	Tổ chức nội dung và trình bày ấn phẩm	18-0101	2	Phạm Thị Thu Hà	18CBC1	7	Sáng	4	2	12—56789012345678—	
179	31732088	Pháp luật và đạo đức báo chí	18-0101	3	Đặng Hồng Cam Vũ	18CBC1				3		
180	31732096	Lý luận và thực hành ảnh	18-0101	3	Trần Thị Ngọc Hà	18CBC1	6	Sáng	3	3	12—56789012345678—	
181	31721498	<i>Ngữ pháp văn bản</i>	18-0101	2	Lê Đức Luận	18CBC1	4	Chiều	9	2	12—56789012345678—	
182	31722123	<i>Kỹ năng giao tiếp và tốc ký</i>	18-0101	2	Trần Thị Ngọc Hà	18CBC1+	2	Sáng	1	2	12—56789012345678—	18CBC1, 18CBC2
183	31722127	<i>Tiếng Anh chuyên ngành báo chí I</i>	18-0101	2	Trần Thị Hòa	18CBC1+	2	Chiều	9	2	12—56789012345678—	18CBC1, 18CBC2
184	31722093	Nhập môn phát thanh	18-0102	2	Lê Văn Trúc Ly	18CBC2	3	Sáng	4	2	12—56789012345678—	
185	31722094	Nhập môn truyền hình	18-0102	2	Trần Thị Tuyết	18CBC2	6	Chiều	9	2	12—56789012345678—	
186	31722095	Nhập môn báo mạng điện tử	18-0102	2	Đặng Hồng Cam Vũ	18CBC2	4	Chiều	9	2	12—56789012345678—	
187	31722097	Quan hệ công chúng và báo chí	18-0102	2	Trần Thị Hòa	18CBC2	7	Sáng	4	2	12—56789012345678—	
188	31722107	Phòng vấn	18-0102	2	Phạm Thị Hương	18CBC2	5	Sáng	1	2	12—56789012345678—	
189	31722111	Tổ chức nội dung và trình bày ấn phẩm	18-0102	2	Phạm Thị Thu Hà	18CBC2	3	Chiều	9	2	12—56789012345678—	
190	31732088	Pháp luật và đạo đức báo chí	18-0102	3	Đặng Hồng Cam Vũ	18CBC2				3		
191	31732096	Lý luận và thực hành ảnh	18-0102	3	Trần Thị Ngọc Hà	18CBC2	6	Chiều	6	3	12—56789012345678—	
192	31721498	<i>Ngữ pháp văn bản</i>	18-0102	2	Lê Đức Luận	18CBC2	6	Sáng	4	2	12—56789012345678—	
193	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18-0108	2	Lê Thị Ngọc Hoa	18CBC3+	4	Chiều	8	2	12—56789012345678—	18CBC3, 18CBC4
194	31722093	Nhập môn phát thanh	18-0103	2	Lê Văn Trúc Ly	18CBC3	2	Chiều	9	2	12—56789012345678—	
195	31722094	Nhập môn truyền hình	18-0103	2	Trần Thị Tuyết	18CBC3	5	Chiều	8	2	12—56789012345678—	
196	31722095	Nhập môn báo mạng điện tử	18-0103	2	Đặng Hồng Cam Vũ	18CBC3	5	Chiều	6	2	12—56789012345678—	
197	31722097	Quan hệ công chúng và báo chí	18-0103	2	Trần Thị Hòa	18CBC3	6	Sáng	3	2	12—56789012345678—	
198	31722107	Phòng vấn	18-0103	2	Phạm Thị Hương	18CBC3	6	Sáng	1	2	12—56789012345678—	
199	31722111	Tổ chức nội dung và trình bày ấn phẩm	18-0103	2	Phạm Thị Thu Hà	18CBC3	6	Chiều	9	2	12—56789012345678—	
200	31732088	Pháp luật và đạo đức báo chí	18-0103	3	Đặng Hồng Cam Vũ	18CBC3				3		
201	31732096	Lý luận và thực hành ảnh	18-0103	3	Trần Thị Ngọc Hà	18CBC3	5	Sáng	3	3	12—56789012345678—	
202	31721498	<i>Ngữ pháp văn bản</i>	18-0103	2	Lê Đức Luận	18CBC3	6	Chiều	6	2	12—56789012345678—	
203	31722123	<i>Kỹ năng giao tiếp và tốc ký</i>	18-0102	2	Trần Thị Ngọc Hà	18CBC3+	2	Sáng	3	2	12—56789012345678—	18CBC3, 18CBC4
204	31722127	<i>Tiếng Anh chuyên ngành báo chí I</i>	18-0102	2	Trần Thị Hòa	18CBC3+	3	Sáng	1	2	12—56789012345678—	18CBC3, 18CBC4
205	31722093	Nhập môn phát thanh	18-0104	2	Lê Văn Trúc Ly	18CBC4	3	Chiều	6	2	12—56789012345678—	
206	31722094	Nhập môn truyền hình	18-0104	2	Trần Thị Tuyết	18CBC4	2	Chiều	9	2	12—56789012345678—	
207	31722095	Nhập môn báo mạng điện tử	18-0104	2	Đặng Hồng Cam Vũ	18CBC4	7	Sáng	4	2	12—56789012345678—	
208	31722097	Quan hệ công chúng và báo chí	18-0104	2	Trần Thị Hòa	18CBC4	3	Sáng	3	2	12—56789012345678—	
209	31722107	Phòng vấn	18-0104	2	Phạm Thị Hương	18CBC4	2	Sáng	1	2	12—56789012345678—	

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Tên CB	Lớp HP	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần	Ghi chú
											123456789012345678901234	
210	31722111	Tổ chức nội dung và trình bày ấn phẩm	18-0104	2	Phạm Thị Thu Hà	18CBC4	4	Sáng	4	2	12—56789012345678—	
211	31732088	Pháp luật và đạo đức báo chí	18-0104	3	Đặng Hồng Cam Vũ	18CBC4				3		
212	31732096	Lý luận và thực hành ảnh	18-0104	3	Trần Thị Ngọc Hà	18CBC4	2	Chiều	6	3	12—56789012345678—	
213	31721498	Ngữ pháp văn bản	18-0104	2	Lê Đức Luận	18CBC4	6	Chiều	8	2	12—56789012345678—	
214	31728121	Nhập môn phát thanh	18-0101	2	Lê Văn Trúc Ly	18CBCC	4	Sáng	4	2	12—56789012345678—	
215	31728122	Nhập môn truyền hình	18-0101	2	Trần Thị Tuyết	18CBCC	4	Chiều	9	2	12—56789012345678—	
216	31728123	Nhập môn báo mạng điện tử	18-0101	2	Đặng Hồng Cam Vũ	18CBCC	5	Sáng	1	2	12—56789012345678—	
217	31728125	Quan hệ công chúng và báo chí	18-0101	2	Trần Thị Hòa	18CBCC	5	Sáng	4	2	12—56789012345678—	
218	31728135	Phòng vấn	18-0101	2	Phạm Thị Hương	18CBCC	6	Sáng	4	2	12—56789012345678—	
219	31728139	Tổ chức nội dung và trình bày ấn phẩm	18-0101	2	Phạm Thị Thu Hà	18CBCC	4	Sáng	1	2	12—56789012345678—	
220	31738114	Pháp luật và đạo đức báo chí	18-0101	3	Đặng Hồng Cam Vũ	18CBCC				3		
221	31738124	Lý luận và thực hành ảnh	18-0101	3	Trần Thị Ngọc Hà	18CBCC	7	Sáng	1	3	12—56789012345678—	
222	31728155	Kỹ năng giao tiếp và tốc ký	18-0101	2	Trần Thị Ngọc Hà	18CBCC	6	Chiều	9	2	12—56789012345678—	
223	31728159	Tiếng Anh chuyên ngành báo chí I	18-0101	2	Trần Thị Hòa	18CBCC	6	Chiều	6	2	12—56789012345678—	
224	31728166	Ngữ pháp văn bản	18-0101	2	Lê Đức Luận	18CBCC	2	Chiều	9	2	12—56789012345678—	
225	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18-0211	2	Trịnh Quang Dũng	18SLS+	6	Chiều	6	2	12—5678901234—789—	18SLS, 18SLS, 18CVNH1
226	31821849	Thực tế chuyên môn	18-0201	2	Khoa Lịch sử	18SLS				2		
227	31831437	Lý luận dạy học lịch sử	18-0201	3	Trương Trung Phương	18SLS	3	Chiều	6	3	12—5678901234—789—	
228	31831566	Phương pháp dạy học các môn xã hội	18-0201	3	Khoa Lịch sử	18SLS				3		
229	31841426	Lịch sử Việt Nam hiện đại	18-0201	4	Khoa Lịch sử	18SLS+				4		18SLS, 18CLS
230	31821883	Tin học chuyên ngành (2)	18-0201	2	Đặng Thị Thùy Dương	18SLS	2	Sáng	4	2	12—5678901234—789—	
231	31831474	Một số vấn đề về triều Nguyễn	18-0201	3	Nguyễn Duy Phương	18SLS	2	Chiều	6	3	12—5678901234—789—	
232	31821849	Thực tế chuyên môn	18-0202	2	Khoa Lịch sử	18CVNH1				2		
233	31831561	Phong tục, tập quán và lễ hội Việt Nam	18-0201	3	Lê Thị Thu Hiền	18CVNH1	2	Chiều	6	3	12—5678901234—789—	
234	31831657	Quản trị kinh doanh lưu hành	18-0201	3	Tăng Chánh Tín	18CVNH1	5	Chiều	6	3	12—5678901234—789—	
235	31831943	Văn hoá Chăm-pa	18-0202	3	Trần Thị Mai An	18CVNH1	4	Sáng	1	3	12—5678901234—789—	
236	31841487	Nghệ thuật hướng dẫn du lịch	18-0201	4	Ngô Thị Hương	18CVNH1	4	Chiều	6	4	12—5678901234—789—	
237	31921913	Tổng quan ngành lưu trú	18-0202	2	Trương Phước Minh	18CVNH1	5	Chiều	9	2	12—5678901234—789—	
238	31831941	Văn hóa biển đảo ở Việt Nam	18-0201	3	Lê Thị Thu Hiền	18CVNH1+	5	Sáng	1	3	12—5678901234—789—	18CVNH1, 18CVNH2
239	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18-0212	2	Trịnh Quang Dũng	18CVNH2+	6	Chiều	8	2	12—5678901234—789—	18CVNH2, 18CVNH3
240	31721873	Tiếng Việt thực hành	18-0204	2	Hồ Trần Ngọc Oanh	18CVNH2	5	Chiều	9	2	12—5678901234—789—	
241	31821849	Thực tế chuyên môn	18-0203	2	Khoa Lịch sử	18CVNH2				2		
242	31831561	Phong tục, tập quán và lễ hội Việt Nam	18-0202	3	Lê Thị Thu Hiền	18CVNH2	4	Sáng	1	3	12—5678901234—789—	
243	31831657	Quản trị kinh doanh lưu hành	18-0202	3	Tăng Chánh Tín	18CVNH2	3	Sáng	1	3	12—5678901234—789—	
244	31831943	Văn hoá Chăm-pa	18-0203	3	Trần Thị Mai An	18CVNH2	2	Chiều	6	3	12—5678901234—789—	
245	31841487	Nghệ thuật hướng dẫn du lịch	18-0202	4	Ngô Thị Hương	18CVNH2	6	Sáng	1	4	12—5678901234—789—	
246	31921913	Tổng quan ngành lưu trú	18-0203	2	Lê Thị Thu Hiền	18CVNH2	2	Chiều	9	2	12—5678901234—789—	

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Tên CB	Lớp HP	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần	Ghi chú
											123456789012345678901234	
247	31831941	<i>Văn hóa biển đảo ở Việt Nam</i>	18-0202	3	Lê Thị Thu Hiền	18CVNH2+	2	Sáng	1	3	12—5678901234—789—	18CVNH2, 18CVNH3
248	31721873	Tiếng Việt thực hành	18-0205	2	Hồ Trần Ngọc Oanh	18CVNH3	4	Sáng	4	2	12—5678901234—789—	
249	31821849	Thực tế chuyên môn	18-0204	2	Khoa Lịch sử	18CVNH3				2		
250	31831561	Phong tục, tập quán và lễ hội Việt Nam	18-0203	3	Lê Thị Thu Hiền	18CVNH3	3	Sáng	1	3	12—5678901234—789—	
251	31831657	Quản trị kinh doanh lễ hành	18-0203	3	Tăng Chánh Tín	18CVNH3	2	Chiều	6	3	12—5678901234—789—	
252	31831943	Văn hoá Champa	18-0204	3	Trần Thị Mai An	18CVNH3	5	Sáng	1	3	12—5678901234—789—	
253	31841487	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	18-0203	4	Ngô Thị Hường	18CVNH3	5	Chiều	6	4	12—5678901234—789—	
254	31921913	Tổng quan ngành lưu trú	18-0204	2	Lê Thị Thu Hiền	18CVNH3	3	Sáng	4	2	12—5678901234—789—	
255	31821590	Phương pháp luận NCKH chuyên ngành QHQT	18-0201	2	Lưu Trang	18CLS	5	Chiều	6	2	12—5678901234—789—	
256	31821597	Phương pháp luận sử học	18-0201	2	Trương Anh Thuận	18CLS	2	Sáng	1	2	12—5678901234—789—	
257	31821849	Thực tế chuyên môn	18-0205	2	Khoa Lịch sử	18CLS				2		
258	31831057	Chính sách và hoạt động ngoại giao của Việt Nam thời hiện đại	18-0201	3	Khoa Lịch sử	18CLS				3		
259	31831443	Lý luận quan hệ quốc tế	18-0201	3	Khoa Lịch sử	18CLS				3		
260	31831880	Tiếp xúc văn hóa giữa phương Đông và phương Tây	18-0201	3	Lê Thị Mai	18CLS	5	Chiều	8	3	12—5678901234—789—	
261	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18-0209	2	Lê Sơn	18SDL+	3	Sáng	1	2	12—5678901234—789—	18SDL, 18CDDL1, 18CDDL2
262	31921777	Thực địa địa lý tự nhiên	18-0201	2	Khoa Địa Lý	18SDL				2		
263	31931178	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 2	18-0201	3	Đoàn Thị Thông	18SDL	6	Chiều	6	3	12—5678901234—789—	
264	31931179	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới 1	18-0201	3	Nguyễn Thị Hồng	18SDL	6	Sáng	1	3	12—5678901234—789—	
265	31931189	Địa lý tự nhiên Việt Nam (khái quát)	18-0201	3	Trần Thị Ân	18SDL	3	Sáng	3	3	12—5678901234—789—	
266	31931568	Phương pháp dạy học Khoa học xã hội (KHXH)	18-0201	3	Nguyễn Văn Thái	18SDL	3	Chiều	6	3	12—5678901234—789—	
267	31941184	Địa lý tự nhiên các lục địa	18-0201	4	Hoàng Thị Diệu Hương	18SDL	2	Sáng	1	4	12—5678901234—789—	
268	31921029	<i>Biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai</i>	18-0201	2	Nguyễn Thị Kim Thoa	18SDL	5	Chiều	9	2	12—5678901234—789—	
269	31921173	<i>Địa lý đô thị</i>	18-0201	2	Nguyễn Thanh Tường	18SDL	2	Chiều	6	2	12—5678901234—789—	
270	31821457	Marketing du lịch	18-0201	2	Ngô Thị Hường	18CDDL1	2	Chiều	9	2	12—5678901234—789—	
271	31821661	Quy hoạch du lịch	18-0201	2	Nguyễn Thanh Tường	18CDDL1	5	Sáng	4	2	12—5678901234—789—	
272	31921599	Phương pháp nghiên cứu khoa học du lịch	18-0201	2	Trương Phước Minh	18CDDL1	2	Sáng	4	2	12—5678901234—789—	
273	31921775	Thực địa Địa lý du lịch	18-0201	2	Khoa Địa Lý	18CDDL1				2		
274	31931176	Địa lý du lịch Việt Nam	18-0201	3	Nguyễn Đặng Thảo Nguyên	18CDDL1	5	Chiều	6	3	12—5678901234—789—	
275	31931181	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam	18-0201	3	Nguyễn Đặng Thảo Nguyên	18CDDL1	3	Sáng	3	3	12—5678901234—789—	
276	31931290	Hệ thống thông tin địa lý	18-0201	3	Trương Phước Minh	18CDDL1	5	Sáng	1	3	12—5678901234—789—	
277	31921285	<i>Hệ thống bảo tàng và di tích ở Việt Nam</i>	18-0201	2	Nguyễn Thanh Tường	18CDDL1+	4	Sáng	4	2	12—5678901234—789—	18CDDL1, 18CDDL2
278	31921431	<i>Luật du lịch</i>	18-0201	2	Đoàn Thị Thông	18CDDL1+	4	Chiều	9	2	12—5678901234—789—	18CDDL1, 18CDDL2
279	31821457	Marketing du lịch	18-0202	2	Ngô Thị Hường	18CDDL2	3	Sáng	4	2	12—5678901234—789—	

Str	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Tên CB	Lớp HP	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần	Ghi chú
											123456789012345678901234	
280	31821661	Quy hoạch du lịch	18-0202	2	Nguyễn Thanh Tường	18CDDL2	5	Chiều	6	2	12—5678901234—789—	
281	31921599	Phương pháp nghiên cứu khoa học du lịch	18-0202	2	Trương Phước Minh	18CDDL2	6	Chiều	9	2	12—5678901234—789—	
282	31921775	Thực địa Địa lý du lịch	18-0202	2	Khoa Địa Lý	18CDDL2				2		
283	31931176	Địa lý du lịch Việt Nam	18-0202	3	Nguyễn Đặng Thảo Nguyên	18CDDL2	4	Sáng	1	3	12—5678901234—789—	
284	31931181	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam	18-0202	3	Nguyễn Đặng Thảo Nguyên	18CDDL2	5	Sáng	1	3	12—5678901234—789—	
285	31931290	Hệ thống thông tin địa lý	18-0202	3	Nguyễn Thị Diệu	18CDDL2	3	Chiều	6	3	12—5678901234—789—	
286	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18-0210	2	Lê Sơn	18CTL1+	3	Sáng	3	2	12—5678901234—789—	18CTL1, 18CTL2
287	32021852	Thực tế tâm lý học	18-0201	2	Nguyễn Thị Bích Hạnh	18CTL1				2		
288	32031256	Giáo dục học đại cương	18-0201	3	Lê Thị Hằng	18CTL1	6	Chiều	6	3	12—5678901234—789—	
289	32031712	Tâm lý học chẩn đoán	18-0201	3	Lê Mỹ Dung	18CTL1	2	Chiều	6	3	12—5678901234—789—	
290	32041602	Phương pháp nghiên cứu tâm lý học	18-0201	4	Lê Mỹ Dung	18CTL1	7	Sáng	1	4	12—5678901234—789—	
291	32041726	Tâm lý học phát triển 2	18-0201	4	Hồ Thị Thuý Hằng	18CTL1	3	Chiều	6	4	12—5678901234—789—	
292	32031720	Tâm lý học giới tính	18-0201	3	Bùi Văn Vân	18CTL1+	5	Chiều	6	3	12—5678901234—789—	18CTL1, 18CTL2
293	32021852	Thực tế tâm lý học	18-0202	2	Hoàng Thế Hải	18CTL2				2		
294	32031256	Giáo dục học đại cương	18-0202	3	Lê Thị Hằng	18CTL2	4	Sáng	1	3	12—5678901234—789—	
295	32031712	Tâm lý học chẩn đoán	18-0202	3	Lê Mỹ Dung	18CTL2	4	Chiều	6	3	12—5678901234—789—	
296	32041602	Phương pháp nghiên cứu tâm lý học	18-0202	4	Lê Mỹ Dung	18CTL2	2	Sáng	1	4	12—5678901234—789—	
297	32041726	Tâm lý học phát triển 2	18-0202	4	Hồ Thị Thuý Hằng	18CTL2	7	Sáng	1	4	12—5678901234—789—	
298	31821421	Lịch sử văn minh thế giới	18-0203	2	Đặng Thị Thùy Dương	18CTL2	6	Chiều	6	2	12—5678901234—789—	
299	32031009	An sinh xã hội và những vấn đề xã hội	18-0201	3	Khoa TLGD	18CTXH				3		
300	32031125	Công tác xã hội với nhóm	18-0201	3	Lê Thị Lâm	18CTXH	7	Sáng	1	3	12—5678901234—789—	
301	32041603	Phương pháp nghiên cứu trong công tác xã hội	18-0201	4	Hà Văn Hoàng	18CTXH	2	Chiều	6	4	12—5678901234—789—	
302	32041738	Tham vấn tâm lý	18-0201	4	Nguyễn Thị Hằng Phương	18CTXH	4	Chiều	6	4	12—5678901234—789—	
303	32041789	Thực hành Công tác xã hội với cá nhân	18-0201	4	Nguyễn Thị Hằng Phương	18CTXH	3	Sáng	1	4	12—5678901234—789—	
304	32021429	Logic học	18-0202	2	Đinh Thị Phượng	18CTXH	6	Sáng	4	2	12—5678901234—789—	
305	32031261	Giáo dục kỹ năng sống	18-0201	3	Lê Thị Duyên	18CTXH	2	Sáng	1	3	12—5678901234—789—	
306	21328002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18-0201	2	Trần Ngọc Ánh	18CTLC	3	Chiều	8	2	12—5678901234—789—	18CTLC, 18CNTTC, 18CHDC, 18CBCC
307	32028085	Thực tế tâm lý học	18-0201	2	Khoa TLGD	18CTLC						
308	32038084	Giáo dục kỹ năng sống	18-0201	3	Lê Thị Duyên	18CTLC	2	Chiều	6	3	12—5678901234—789—	
309	32038088	Tâm lý học chẩn đoán	18-0201	3	Lê Mỹ Dung	18CTLC	6	Sáng	1	3	12—5678901234—789—	
310	32038096	Clinical psychology (Tâm lý học lâm sàng)	18-0201	3	Khoa TLGD	18CTLC				3		
311	32048079	Phương pháp nghiên cứu tâm lý học	18-0201	4	Lê Mỹ Dung	18CTLC	3	Sáng	1	4	12—5678901234—789—	

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Tên CB	Lớp HP	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần	Ghi chú
											123456789012345678901234	
312	32048082	Tâm lý học xã hội	18-0201	4	Nguyễn Thị Phương Trang	18CTLG	5	Sáng	1	4	12—5678901234—789—	
313	31828101	Lịch sử văn minh thế giới	18-0201	2	Lê Thị Mai	18CTLG	5	Chiều	6	2	12—5678901234—789—	
314	32038107	Tâm lý học giới tính	18-0201	3	Bùi Văn Văn	18CTLG	6	Chiều	6	3	12—5678901234—789—	
315	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18-0115	2	Lê Minh Thọ	18STH	2	Chiều	6	2	12—56789012345678—	
316	32221357	Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học	18-0101	2	Hoàng Nam Hải	18STH	5	Chiều	9	2	12—56789012345678—	
317	32221667	Rèn luyện kỹ năng sư phạm 1 ở tiểu học	18-0101	2	Nguyễn Phan Lâm Quyên	18STH	4	Chiều	9	2	12—56789012345678—	
318	32221876	Tiếng Việt thực hành ở tiểu học	18-0101	2	Nguyễn Thị Thuý Nga	18STH	7	Sáng	4	2	12—56789012345678—	
319	32221920	Từ Hán Việt và dạy từ Hán Việt ở tiểu học	18-0101	2	Nguyễn Thị Thuý Nga	18STH	2	Sáng	4	2	12—56789012345678—	
320	32231081	Cơ sở Khoa học Xã hội và phương pháp dạy học ở tiểu học	18-0101	3	Trần Thị Kim Cúc	18STH	3	Chiều	6	3	12—56789012345678—	
321	32241574	Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1 ở tiểu học	18-0101	4	Nguyễn Thị Thuý Nga	18STH	4	Sáng	1	4	12—56789012345678—	
322	32241576	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học	18-0101	4	Hoàng Nam Hải	18STH	6	Sáng	1	4	12—56789012345678—	
323	32221884	Tin học chuyên ngành 2	18-0101	2	Lê Viết Chung	18STH	3	Sáng	4	2	12—56789012345678—	
324	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18-0116	2	Lê Minh Thọ	18SMN	2	Chiều	8	2	12—56789012345678—	
325	32321639	Quản lý giáo dục mầm non	18-0101	2	Bùi Việt Phú	18SMN	6	Sáng	4	2	12—56789012345678—	
326	32321896	Tổ chức môi trường hoạt động cho trẻ ở trường mầm non	18-0101	2	Nguyễn Thị Triều Tiên	18SMN	6	Chiều	9	2	12—56789012345678—	
327	32331212	Đồ chơi và đồ dùng dạy học cho trẻ mầm non	18-0101	3	Lê Thị Hoài Thương	18SMN	4	Chiều	6	3	12—56789012345678—	
328	32331563	Phương pháp chăm sóc và vệ sinh trẻ em	18-0101	3	Mai Thị Cẩm Nhung	18SMN	5	Chiều	6	3	12—56789012345678—	
329	32331582	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	18-0101	3	Phan Thị Nga	18SMN	6	Chiều	6	3	12—56789012345678—	
330	32331670	Rèn luyện NVSP thường xuyên	18-0101	3	Nguyễn Thị Triều Tiên	18SMN	2	Sáng	1	3	12—56789012345678—	
331	32321931	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non	18-0101	2	Lê Viết Chung	18SMN	5	Sáng	4	2	12—56789012345678—	
332	32331892	Tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp ở trường mầm non	18-0101	3	Nguyễn Thị Triều Tiên	18SMN	3	Sáng	1	3	12—56789012345678—	

Ghi chú

- Các mốc thời gian đi thực tập, thực tế, kiểm tra giữa kỳ, thi cuối kỳ,... xem kế hoạch năm học 2019-2020.
- Đối với các học phần thành giảng, mời giảng: các Khoa lập tờ trình (kèm hồ sơ mời giảng theo quy định 2823/QĐ-ĐHĐN) gửi về Phòng Đào tạo trước ngày 15/01/2020 (đ/c Nguyễn Minh Phong).
- Những học phần dạy bằng Tiếng Anh, Khoa lập danh sách gửi về phòng Đào tạo trước ngày 15/01/2020 (đ/c Nguyễn Thị Bích Huyền).
- Nếu có điều chỉnh, bổ sung lịch dạy, Giảng viên có văn bản đề nghị gửi về Phòng Đào tạo trường DHSP trước ngày 09/12/2019 (gặp đ/c Đặng Văn Kiều).

Đà Nẵng, ngày 04. tháng 12 năm 2019

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG PHÒNG ĐÀO TẠO



TS. PHAN ĐỨC TUẤN